TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: **11** /2017/HNGĐ- ST
Ngày 04 - 8 - 2017
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG – TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân :

1- Ông Nguyễn Ngọc Ngát

2- Ông Nguyễn Thanh Tâm

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên toà: Ông Vương Văn Phong - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2017; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2017, về việc "tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017/QĐXX-ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Triệu Thị M**,sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: **Anh Đặng Hữu V**, sinh năm 1988

Nơi cư trú: thôn N, xã V, h S, tỉnh Bắc Giang.

(anh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, những lời khai tiếp theo có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Triệu Thị M trình bày: Chị kết hôn với anh Đặng Hữu V vào ngày 25 tháng 8 năm 2002, trước khi cưới hai bên có quen biết và tự

nguyện lấy nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn; cưới xong chị về ở cùng gia đình anh V ở làm dâu luôn, tình cảm hòa thuận, hạnh phúc.

Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ tháng 3/2013, do tính tình không hợp, bảo nhau không ai nghe ai và anh V sống không chung thủy nên vợ chồng hay cãi chửi nhau nhiều lần, vợ chồng cũng sống ly thân từ tháng 3/2013 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, chị yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh V.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 con chung, là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 26/8/2003, cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 01/4/2007, cháu Đặng Phúc Đ, sinh ngày 16/5/2008. Hiện nay cả 2 cháu đang ở cùng ở với anh V và ông bà nội, 1 cháu N ở cùng chị. Nếu Tòa án xét xử vợ chồng chấm dứt tình cảm với nhau thì chị có nguyện vọng xin nuôi cả 3 con; anh V phải cấp dưỡng số tiền 3.000.000đ/3 cháu/1 tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hiện nay chị đang làm ruộng nương và có đi làm thuê kiếm thêm thu nhập khoảng 2.000.000đ/tháng đủ nuôi con và chị bảo đảm việc nuôi con trưởng thành, chị chưa có nhà ở riêng mà vẫn ở chung cùng bố mẹ đẻ.

Về tài sản, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Đặng Hữu V vắng mặt tại phiên tòa; tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu tiếp theo có trong hồ sơ anh V trình bầy như sau: Anh kết hôn với chị M vào ngày 25/8/2002; trước khi cưới được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Cưới xong chị M về gia đình anh ở làm dâu luôn đến năm 2006 vợ chồng ra ở riêng, tình cảm vợ chồng ban dầu hòa thuận hạnh phúc.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ tháng 3/2013, do không hợp nhau, bảo nhau không ai nghe ai nên hay cãi nhau nhiều lần, chị M bảo anh không chung thủy là không đúng; vợ chồng đã sống ly thân nhau về tình cảm từ tháng 3 năm 2013 cho đến nay, hiện giờ chị M đang sống bên nhà ngoại.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị M được chấm dứt quan hệ vợ chồng.

Về con chung: vợ chồng anh có 03 con chung, là cháu Đặng Thị H, sinh ngày 26/8/2003; cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 01/4/2007; cháu Đặng Phúc Đ, sinh ngày 16/5/2008. Khi vợ chồng mới ly thân thì cả 3 cháu đang ở cùng anh, sau này chị M đón 1 cháu về ở cùng. Nếu vợ chồng chấm dứt quan hệ vệ chồng anh có nguyện vọng xin nuôi cháu H, cháu Đ, chị M nuôi cháu N; về cấp dưỡng nuôi con anh không có yêu cầu và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay anh đang làm ruộng nương và có đi làm thuê kiếm thêm thu nhập khoảng 5.000.000đ/tháng, đủ nuôi con và bảo đảm việc nuôi con trưởng thành, anh đã có chỗ ở ổn định.

Tại phiên toà hôm nay: chị Triệu Thị M vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày ở trên, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh V được chấm dứt quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật.

* Kiểm sát viên phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; tại phiên tòa anh V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M với anh Đặng Hữu V.

Về con chung: Giao cho anh Đặng Hữu V nuôi dưỡng cháu Đặng Thị H, sinh ngày 26/8/2003, cháu Đặng Phúc Đ, sinh ngày 16/5/2008; chị Triệu Thị M nuôi dưỡng cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 01/4/2007. Về cấp dưỡng không chấp nhận yêu cầu của chị M.

Về án phí: anh V, chị M là người dân tộc thiểu số, thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ngày 24/7/2017 anh Đặng Hiếu V có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Triệu Thị M, bị đơn anh Đặng Hữu V và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ thì có cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị M kết hôn với anh Đặng Hữu V vào ngày 25 tháng 8 năm 2002, trước khi cưới hai bên có sự tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau và có tổ chức cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn; cưới xong chị M về ở cùng gia đình anh V ở làm dâu luôn, tình cảm hòa thuận, hành phúc.

Quá trình chung sống với nhau thì mâu thuẫn xảy ra bắt đầu từ tháng 3/2013, do tính tình không hợp, bảo nhau không ai nghe ai, chị M nghi ngờ anh

V sống không chung thủy nên vợ chồng hay cãi chửi nhau nhiều lần, vợ chồng cũng sống ly thân từ tháng 3/2013 cho đến nay. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, chị yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị với anh V. Xét thấy anh V và chị M kết nhau không có đăng ký kết hôn là vi phạm về nghĩa vụ đăng ký kết hôn, tuy anh V và chị M đã sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng; do vậy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M và anh Đặng Hữu V theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Quá trình hòa giải anh Đặng Hữu V và chị Triệu Thị M đều có ý kiến giao cho anh Vượng nuôi dưỡng cháu Đặng Thị H, sinh ngày 26/8/2003 và cháu Đặng Phúc Đ, sinh ngày 16/5/2008; chị M nuôi dưỡng cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 01/4/2007; các cháu H, cháu Đ và cháu N đều có nguyện vọng ở với mẹ; về cấp dưỡng nuôi con anh V không có yêu cầu. Tại phiên tòa chị M xin nuôi cả 3 con và yêu cầu anh V cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng là 3.000.000đ/1 tháng/ 3 cháu. Xét thấy điều kiện hoàn cảnh thực tế hiện tại của chị M rất khó khăn, chưa có chỗ ở ổn định, thu nhập thấp, nên việc chị M xin nuôi cả 3 con là không đảm bảo; anh V đã có chỗ ở ổn định, có thu nhập đảm bảo nên cần giữ nguyên hiện trạng nuôi con như anh V và chị M đang nuôi dưỡng; giao cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đặng Thị H và cháu Đặng Phúc Đ, chị M nuôi dưỡng cháu Đặng Hồng N. Về cấp dưỡng nuôi con anh V không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết; chị M có yêu cầu nhưng do yêu cầu nuôi con của chị M không được chấp nhận nên không chấp nhận toàn bộ yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị M.

[3] Về án phí: anh V, chị M là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo nên miễn toàn bộ án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, khoản 1 Điều 14; Điều 15, khoản 2 Điều 53; Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Triệu Thị M với anh Đặng Hữu V.

[2] Về con chung: Giao cho anh Đặng Hữu V nuôi dưỡng cháu Đặng Thị H, sinh ngày 26/8/2003, cháu Đặng Phúc Đ, sinh ngày 16/5/2008; chị Triệu Thị M nuôi dưỡng cháu Đặng Hồng N, sinh ngày 01/4/2007.

Anh V, chị M có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền này của anh V, chị M

Về cấp dưỡng nuôi con: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

[3] Về án phí: Anh V, chị M được miễn toàn bộ án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Án xử sơ thẩm; báo cho đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện SĐ*
- *VKSND tỉnh BG*
- *TAND tỉnh BG*
- *UBND xã V*
- *Các đương sự*
- *Lưu hồ sơ; VP*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Văn Toàn